

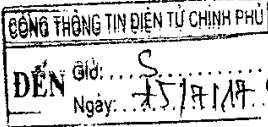
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2017/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Tổng cục Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**



Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Tổng cục Thủy lợi là tổ chức thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về thủy lợi và nước sạch nông thôn trong phạm vi cả nước; tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục Thủy lợi có tư cách pháp nhân, con dấu hình Quốc huy, tài khoản riêng, kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp.

3. Trụ sở của Tổng cục Thủy lợi đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ; dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm, cơ chế, chính sách và các chương trình, dự án, đề án về thủy lợi, nước sạch nông thôn theo thẩm quyền.

c) Tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở, quy phạm kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

2. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục. Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của Tổng cục.

4. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

5. Về quy hoạch thủy lợi:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trương lập, rà soát, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ; văn bản tham gia ý kiến về quy hoạch liên quan đến quy hoạch thủy lợi do các Bộ, ngành quản lý;

b) Tổ chức lập, rà soát và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy hoạch, rà soát quy hoạch thủy lợi cấp quốc gia, quy hoạch thủy lợi vùng, lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi liên quan từ hai tỉnh trở lên, hệ thống công trình thủy lợi có quy mô lớn, tính chất phức tạp trong phạm vi cấp tỉnh;

c) Hướng dẫn trình tự, thủ tục, nội dung lập, quản lý quy hoạch thủy lợi; kiểm tra, phối hợp tổ chức thực hiện quy hoạch thủy lợi được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; tham gia ý kiến, kiểm tra việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch thủy lợi trong phạm vi cấp tỉnh;

d) Công bố quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Về điều tra cơ bản thủy lợi:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trương thực hiện, kết quả điều tra cơ bản thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

b) Hướng dẫn về trình tự, thủ tục và nội dung điều tra cơ bản thủy lợi;

c) Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản thủy lợi trên phạm vi cả nước, vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi;

d) Tổng hợp kết quả điều tra cơ bản thủy lợi của địa phương thực hiện;

đ) Lưu trữ, cung cấp kết quả điều tra cơ bản thủy lợi.

7. Về tưới, tiêu và công trình thủy lợi:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

Phương án tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi; phương án bảo vệ công trình thủy lợi; biện pháp bảo đảm an toàn và xử lý sự cố công trình thủy lợi do Bộ quản lý;

Phương án tích trữ, điều hoà, chuyển, phân phối nguồn nước, cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất, dân sinh trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng; tổng hợp kế hoạch, hỗ trợ kinh phí phòng, chống, khắc phục hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng trong phạm vi cả nước;

Kế hoạch, phương án điều tiết nước hồ chứa thủy điện phục vụ sản xuất, dân sinh trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn;

Quy định về phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi; định mức trong quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; chế độ bảo trì công trình thủy lợi;

Hướng dẫn phương pháp định giá đối với sản phẩm, dịch vụ thủy lợi;

Quyết định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của các đơn vị khai thác công trình thủy lợi; kế hoạch, phân bổ tiền hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với các đơn vị khai thác công trình thủy lợi do Bộ quản lý;

Chủ trương đầu tư xây dựng, bảo trì, nâng cấp, hiện đại hóa công trình thủy lợi; phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi; phương án, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và kiến nghị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra quy trình kỹ thuật, chính sách tưới, tiêu; quản lý tưới, tiêu, quản lý khai thác công trình thủy lợi;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, ngập lụt, úng;

đ) Tổ chức quan trắc, dự báo, cảnh báo, giám sát về hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng, diễn biến bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi, số lượng, chất lượng nước; khảo sát, đánh giá, kiểm kê nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ sản xuất, dân sinh;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc khai thác tổng hợp công trình thủy lợi; sử dụng an toàn, tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi;

g) Chỉ đạo, tổ chức đánh giá công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo định kỳ 5 năm hoặc đột xuất, kiến nghị việc bảo trì, nâng cấp, đầu tư xây dựng, hiện đại hóa công trình và nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

h) Hướng dẫn, kiểm tra về tiêu chuẩn chất lượng, quy cách sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; quy trình, thủ tục, hồ sơ giao kế hoạch, đặt hàng, đấu thầu đối với sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực thủy lợi; tổ chức đấu thầu, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với các đơn vị khai thác công trình thủy lợi do Bộ quản lý;

i) Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải có phép thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật;

k) Hướng dẫn, kiểm tra về phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; củng cố, thành lập, phát triển tổ chức thủy lợi cơ sở;

l) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; hệ thống tưới, tiêu tiên tiến, hiện đại.

8. Về an toàn đập:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Quy trình vận hành hồ chứa nước; phương án, phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước do Bộ quản lý;

Biện pháp xử lý sự cố, huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để bảo đảm an toàn đập, cứu hộ đập do Bộ quản lý;

Kết quả kiểm định an toàn đập do Bộ quản lý; chủ trương đầu tư dự án bảo trì, khắc phục sự cố, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa nước thủy lợi;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập, phê duyệt và thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước, phương án, phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước thủy lợi; kiểm định an toàn đập; tổng hợp báo cáo đánh giá hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi trước mùa mưa, lũ hàng năm;

c) Tổ chức thực hiện quy định về quản lý an toàn đập, phương án, phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước do Bộ quản lý;

d) Hướng dẫn, kiểm tra, kiến nghị giải pháp bảo trì, khắc phục sự cố, nâng cấp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi; tổ chức thực hiện đánh giá hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước, bảo trì, khắc phục sự cố, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa do Bộ quản lý;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra quan trắc, dự báo, cảnh báo khí tượng, thủy văn chuyên dùng phục vụ chỉ đạo, vận hành hồ chứa nước thủy lợi; tổ chức thực hiện quan trắc, dự báo, cảnh báo khí tượng, thủy văn chuyên dùng phục vụ chỉ đạo, vận hành đập, hồ chứa nước do Bộ quản lý;

e) Quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa nước thủy lợi.

9. Về nước sạch nông thôn:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trương lập, rà soát, điều chỉnh quy hoạch cấp nước sạch nông thôn; chủ trương thực hiện điều tra cơ bản về nước sạch nông thôn;

Quy hoạch, rà soát quy hoạch cấp nước sạch nông thôn liên quan từ hai tỉnh trở lên; kết quả điều tra cơ bản về nước sạch nông thôn;

Văn bản tham gia ý kiến về quy hoạch, chương trình, đề án, dự án cấp nước sạch, tiêu thoát nước nông thôn do các Bộ, ngành quản lý;

b) Hướng dẫn, kiểm tra về điều tra cơ bản, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách, pháp luật về nước sạch nông thôn; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình cấp, thoát nước nông thôn; tham gia ý kiến về quy hoạch cấp nước sạch nông thôn trong phạm vi cấp tỉnh;

c) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả và hỗ trợ khẩn cấp về nước sạch nông thôn khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng;

d) Quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án cấp, thoát nước nông thôn theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

10. Quản lý các dự án quy hoạch, điều tra cơ bản theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

11. Quản lý đầu tư xây dựng các dự án bảo trì, nâng cấp, hiện đại hóa công trình thủy lợi; dự án đầu tư cấp nước sạch nông thôn. Quản lý dự án đầu tư xây dựng mới công trình thủy lợi theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

12. Tổ chức thực hiện, quản lý công tác thông kê và cơ sở dữ liệu về thủy lợi, an toàn đập và nước sạch nông thôn.

13. Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ về thủy lợi, nước sạch nông thôn.

14. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng nông thôn mới theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

15. Thực hiện hợp tác quốc tế theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

16. Thực hiện cải cách hành chính theo chương trình cải cách hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

17. Quản lý tổ chức bộ máy, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thực hiện chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý của Tổng cục theo quy định.

18. Hướng dẫn, kiểm tra đối với hoạt động của các hội và tổ chức phi chính phủ theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

19. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo thẩm quyền.

20. Quản lý tài chính, tài sản và nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật.

21. Thực hiện nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Kế hoạch Tài chính.

2. Vụ Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.
3. Vụ Pháp chế, Thanh tra.
4. Vụ Xây dựng cơ bản.
5. Vụ Nguồn nước và nước sạch nông thôn.
6. Vụ An toàn đập.
7. Văn phòng Tổng cục.
8. Cục Quản lý công trình thủy lợi.
9. Trung tâm Chính sách và kỹ thuật thủy lợi.

Các tổ chức quy định từ khoản 1 đến khoản 8 Điều này là các tổ chức giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; tổ chức quy định tại khoản 9 Điều này là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tổng cục.

Văn phòng Tổng cục có 04 phòng, Cục Quản lý công trình thủy lợi có văn phòng, 03 phòng và 01 chi cục.

Điều 4. Lãnh đạo Tổng cục

1. Tổng cục Thủy lợi có Tổng cục trưởng và không quá 04 Phó Tổng cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục. Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các tổ chức trực thuộc Tổng cục; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Tổng cục theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 8 năm 2017.

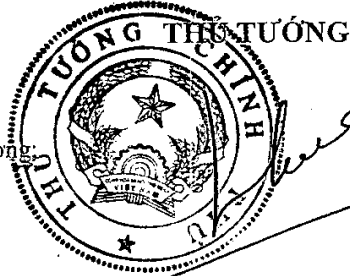
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 58/2014/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Tổng cục Thủy lợi;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b).KN 205



Nguyễn Xuân Phúc